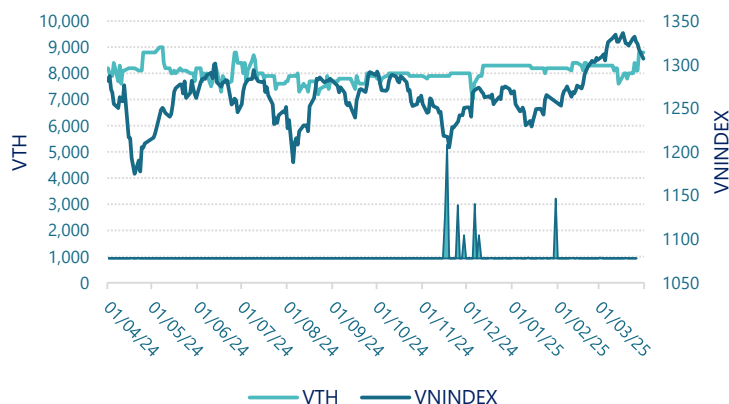


CTCP Dây cáp điện Việt Thái (HNX: VTH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
SL cổ phiếu LH	7,899,989
KLGD BQ 20 phiên (CP)	815
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	5.6
EPS	1,584

DT thuần

Q1/25

222

tỷ VNĐ

QoQ: ▼71.0| -24.1%

YoY: ▲ 135| 155%

LN sau thuế

Q1/25

2.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.56| -46.9%

YoY: ▲ 2.14| 281%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.6%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2024

757

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 248| 48.7%

LN sau thuế

2024

9.22

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.58| 38.9%

ROE

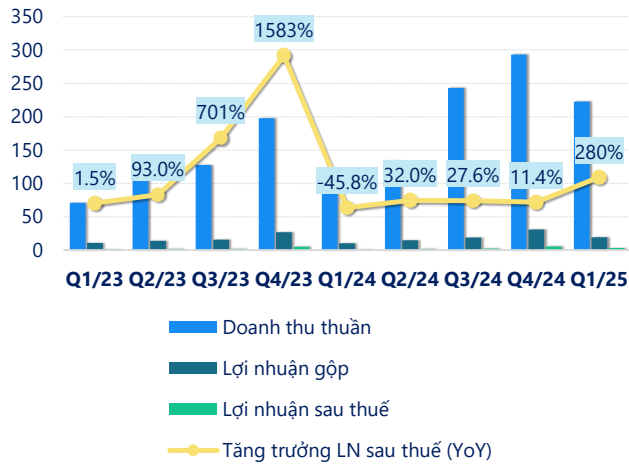
2024

9.9%

+/- YoY: ▲ 2.3%

tỷ VNĐ

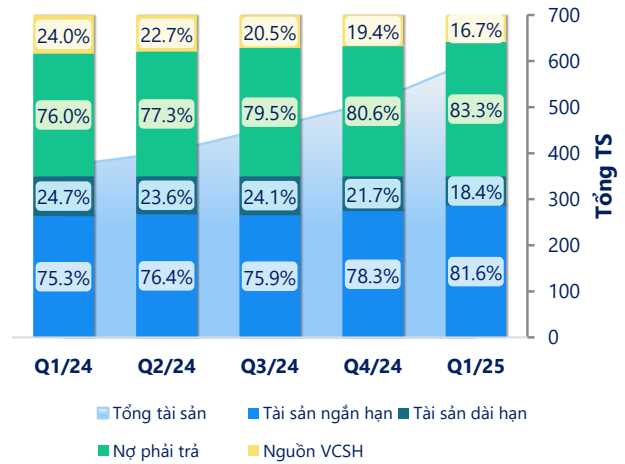
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

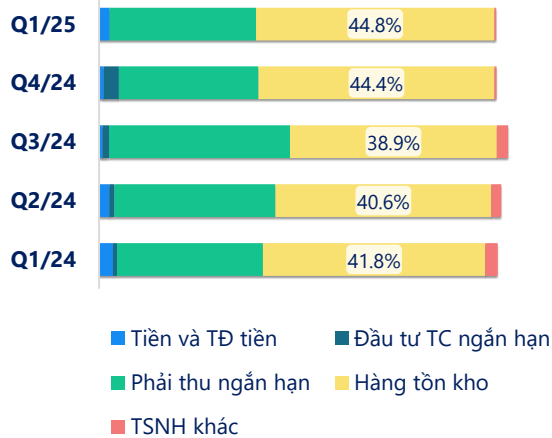
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



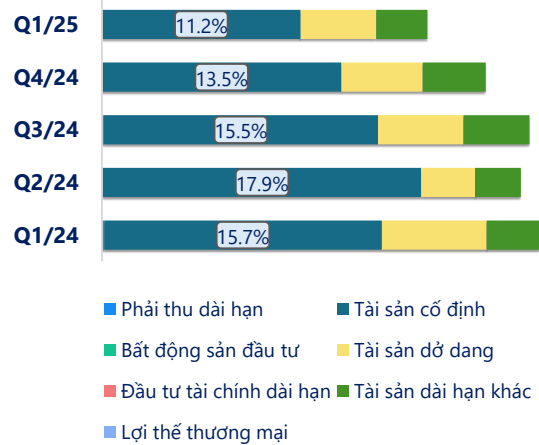
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

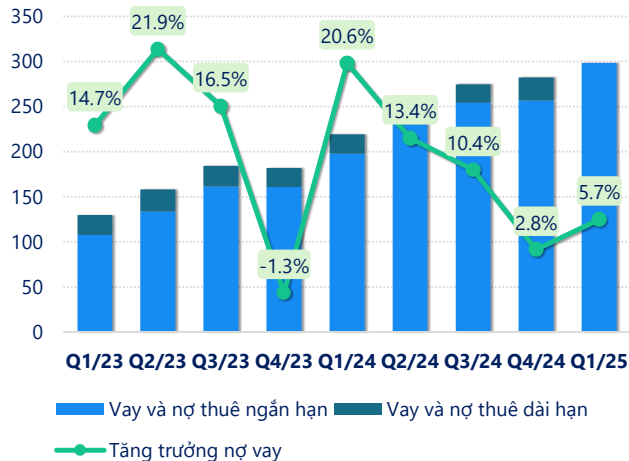
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

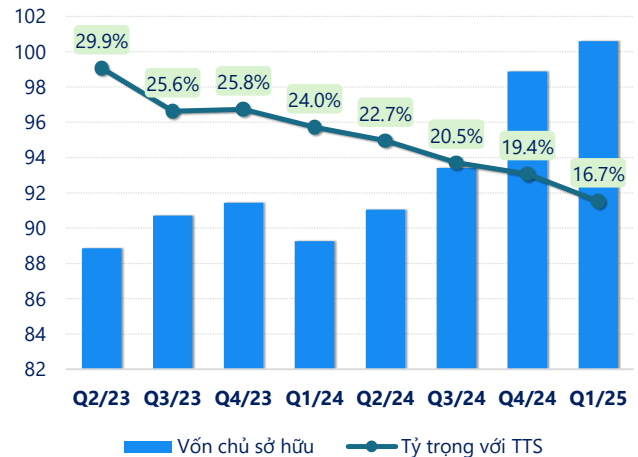
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

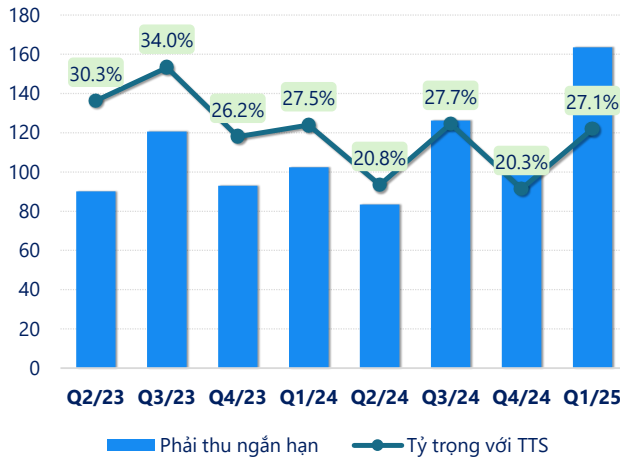
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



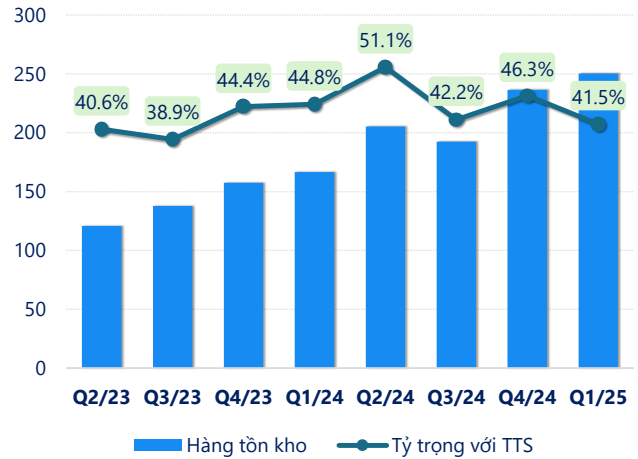
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


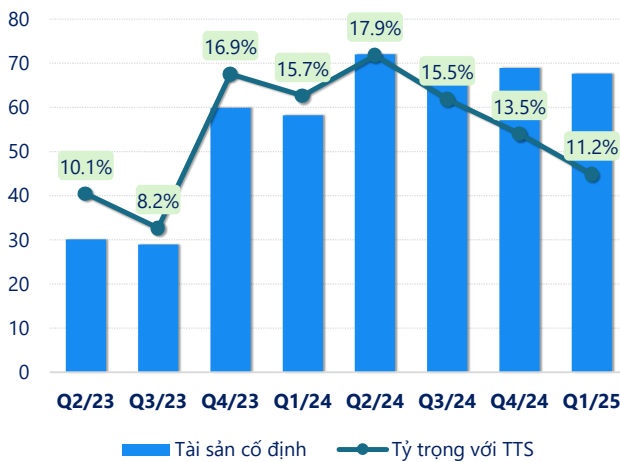
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


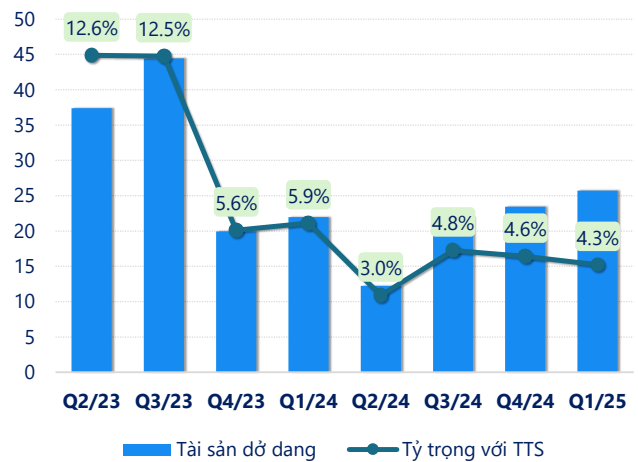
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

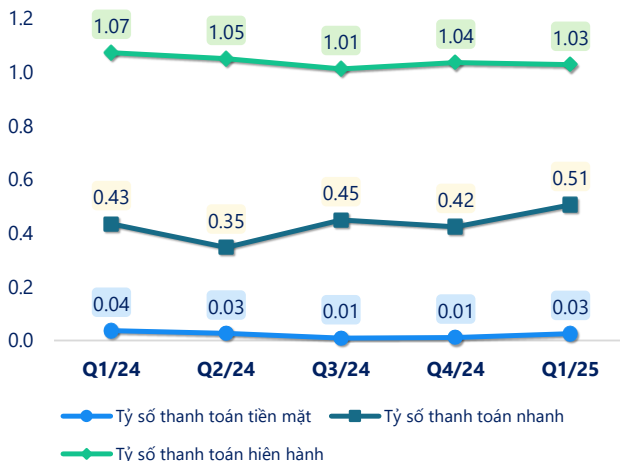
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

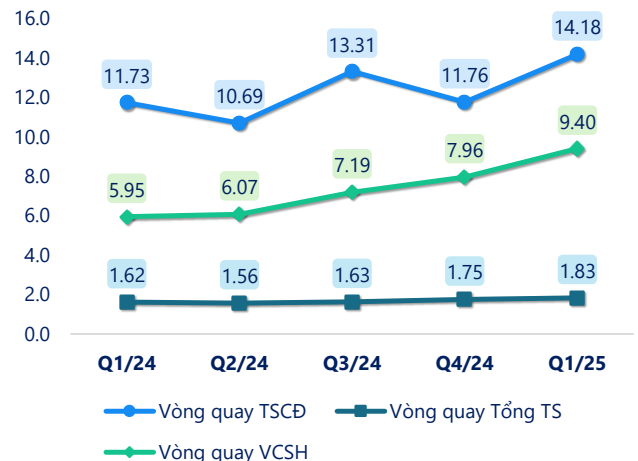
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	372	401	456	510	603
Tài sản ngắn hạn	280	307	346	400	493
Tiền và tương đương tiền	9.60	7.69	3.04	4.40	12.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	6.14	22.0	52.0	62.6
Phải thu ngắn hạn	102	83.4	126	104	164
Hàng tồn kho	167	205	192	236	250
Tài sản ngắn hạn khác	1.38	4.06	2.15	3.51	4.11
Tài sản dài hạn	91.8	94.9	110	111	111
Phải thu dài hạn	0.47	0.25	0.47	0	0
Tài sản cố định	58.2	72.0	70.4	68.9	67.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	22.0	12.2	22.0	23.4	25.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.1	10.4	16.9	18.2	17.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	282	310	362	412	503
Nợ ngắn hạn	261	292	342	386	479
Vay và nợ thuê ngắn hạn	198	230	254	257	299
Phải trả người bán ngắn hạn	36.5	41.1	65.9	107	140
Nợ dài hạn	21.4	18.4	20.6	25.5	23.6
Vay và nợ thuê dài hạn	21.4	18.4	20.6	25.5	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	89.3	91.0	93.4	98.9	101
Vốn chủ sở hữu	89.3	91.0	93.4	98.9	101
Vốn điều lệ	79.0	79.0	79.0	79.0	79.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)